Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Má...

Câu 1 **Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin là:**

A. Nguồn gốc của cải và sự giàu có của tư bản chủ nghĩa

B. Các phương thức sản xuất xã hội được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

C. Sự sản xuất của xã hội

D. Các quan hệ sản xuất và trao đổi được đặt trong sự liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Câu 2 **Chọn 2 phương án đúng. Những phương pháp nghiên cứu và học tập chủ yếu được sử dụng trong KTCT Mác Lênin gồm:**

A. Thí nghiệm trong điều kiện phòng lab

B. Logic kết hợp với lịch sử

C. Phân tích – tổng hợp và trừu tượng hóa khoa học

D. Dự báo mô hình kinh tế bằng thuật toán AI

Câu 3 **Điều kiện nào là "điều kiện đủ" để sản xuất hàng hóa ra đời?**

A. Sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất

B. Có công cụ lao động tiên tiến

C. Có nhà nước quản lý sản xuất

D. Có thị trường phát triển mạnh mẽ

Câu 4 **Chọn 2 phương án đúng. Sản xuất hàng hóa làm phát sinh quan hệ nào sau đây?**

A. Quan hệ giữa người với người thông qua sản phẩm hàng hóa

B. Quan hệ giữa con người và tự nhiên

C. Quan hệ trao đổi, mua bán giữa các chủ thể sản xuất

D. Quan hệ giữa người sản xuất và sản phẩm

Câu 5 **Sản xuất hàng hóa tồn tại ở đâu?**

A. Chỉ có trong chủ nghĩa tư bản.

B. Trong chế độ nôn lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa.

C. Trong mọi xã hội.

D. Trong các xã hội có phân công lao động, xã hội, và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất

Câu 6 **Hàng hóa là gì?**

A. Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.

B. Sản phẩm ở trên thị trường.

C. Sản phẩm của lao động thể để thỏa mã nhu cầu của con người.

D. Sản phẩm được xuất ra để đem bán.

Câu 7 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất một nghệ sĩ vẽ tranh kỹ thuật số và bán trên nền tảng blockchain. Theo anh chị, tranh kỹ thuật số này có thể được gọi là hàng hóa không?**

A. Có vì đó là sản phẩm của trí tuệ

B. Không vì đó vì không có hình thái vật chất cụ thể

C. Có vì nó được tạo ra từ lao động có giá trị sử dụng và có thể trao đổi mua bán

D. Không vì công nghệ blockchain chưa được pháp lý công nhận

Câu 8 **Chọn 2 phương án trả lời đúng Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là**

A. Tăng giờ làm thêm cho công nhân

B. Rút ngắn thời gian lao động trọng yếu

C. Bóc lột lao động bằng cách trả lương thấp hơn

D. Kéo dài thời gian lao động thẳng dư Khi độ dày ngày lao động không thay đổi Thậm chí rút ngắn

Câu 9 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Đặc điểm nào phản ánh bản chất của phân công lao động xã hội**

A. Sự phân chia lao động xã hội thành các ngành nghề, các lĩnh vực kinh tế khác nhau

B. Sự chuyên môn hóa của những người sản xuất

C. Giúp người sản xuất tự cung, tự cấp tạo ra sản phẩm đáp ứng đủ tất cả nhu cầu của đời sống để tạo ra sự đồng nhất về sản phẩm và giá trị

D. Tạo ra sự đồng nhất về sản phẩm và giá trị

Câu 10 **Hàng hóa là gì?**

A. Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.

B. Sản phẩm được sản xuất ra để đem bán.

C. Sản phẩm ở trên thị trường.

D. Sản phẩm của lao động để thỏa mãn nhu cầu của con người.

Câu 11 **Chọn phương án trả lời đúng nhất về sản xuất hàng hóa.**

A. Sản xuất phục vụ cho tiêu dùng nội bộ.

B. Quá trình lưu thông sản phẩm trong xã hội.

C. Phân phối sản phẩm cho các đối tượng sử dụng.

D. Sản xuất ra sản phẩm nhằm mục đích trao đổi mua bán.

Câu 12 **Đặc điểm nào sau đây không thuộc về sản xuất hàng hóa?**

A. Sản phẩm để trao đổi mua bán

B. Có sự tách biệt tương đối giữa các chủ thể sản xuất

C. Sản phẩm phục vụ hoàn toàn cho tiêu dùng cá nhân

D. Có sự phân công, lao động, xã hội.

Câu 13 **Sản xuất hàng hóa tồn tại ở đâu?**

A. Trong chế độ nô lệ, phong kiến, tư bản, chủ nghĩa.

B. Trong mọi xã hội.

C. Chỉ có trong chủ nghĩa tư bản.

D. Trong xã hội có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa các người sản xuất.

Câu 14 **Chọn phương án trả lời đúng nhất về lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa.**

A. Tỷ lệ thuận với năng suất lao động.

B. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động.

C. Phụ thuộc vào cường độ lao động.

D. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động

Câu 15 **khi đồng thời tăng năng suất lao động và cứng độ lao động lên 2 lần thì ý nào dưới đây là đúng?**

A. Đồng số giá trị hàng hóa tăng lên 4 lần

B. Đồng số giá trị hàng hóa tăng lên 4 lần

C. Tổng số giá trị hàng hóa tăng 2 lần, tổng số hàng hóa tăng 2 lần

D. Tổng số hàng hóa tăng lên 4 lần, tổng số giá trị hàng hóa tăng lên 4 lần

Câu 16 **Chọn 3 phương án trả lời đúng phương án. Trừu tượng hóa khoa học trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác lenin có đặc điểm là**

A. Đưa ra mô hình toán học dự đoán thị trường ngắn hạn

B. Tách ra và đi sâu vào phân tích những hiện tượng, yếu tố, điển hình bền vững, tất nhiên, ổn định

C. Tạm thời gạt bỏ đối tượng nghiên cứu những yếu tố ngẫu nhiên tạm thời không ổn định

D. Xây dựng mô hình lý luận dựa trên bản chất phổ biến của các quan hệ văn hóa xã hội.

Câu 17 **Sản xuất hàng hóa khác với sản xuất tự nhiên ở điểm nào?**

A. Sản xuất hàng hóa hướng đến trao đổi, còn sản xuất tự nhiên là để tự tiêu dùng.

B. Sản xuất tự nhiên có năng suất cao hơn.

C. Sản xuất tự nhiên gắn với công nghệ cao.

D. Sản xuất hàng hóa không phụ thuộc thị trường.

Câu 18 **Đặc điểm nào sau đây không thuộc về sản xuất hàng hóa?**

A. Có sự phân công, lao động xã hội

B. Sản phẩm để trao đổi mua bán

C. Sản phẩm phục vụ hoàn toàn cho tiêu dùng cá nhân

D. Có sự tách biệt tương đối giữa các chủ thể sản xuất

Câu 19 **Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi yếu tố nào?**

A. Sự hao phí sức lao động của con người

B. Công dụng của hàng hóa

C. Sự khan hiếm của hàng hóa

D. Lao động trừ tượng của người sản xuất, kết tinh trong hàng hóa

Câu 20 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Giá trị của hàng hóa, sức lao động phụ thuộc vào**

A. Giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất, tinh thần)

B. Giá cả trên thị trường lao động

C. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra tư liệu sản xuất

D. Giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi con của người lao động

Câu 21 **Một công nhân làm việc trong công ty công nghệ với mức lương cố định hàng tháng. Trong 8 giờ làm việc mỗi ngày, người công nhân đó phải tạo ra một lượng giá trị cho công ty cao hơn rất nhiều so với tiền lương được nhận. Hiện tượng đó phản ánh đặc điểm nào của hàng hóa lao động?**

A. Giá trị sử dụng của hàng hóa. Sức lao động tạo ra lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó.

B. Lương thấp là do cung lớn hơn cầu trên thị trường lao động.

C. Sức lao động có giá trị sử dụng cao vì nó tạo ra sản phẩm hữu hình.

D. Lao động trí óc không phải là hàng hóa sức lao động.

Câu 22 **Ý tưởng nào đúng nhất về tư bản bất biến (c) là**

A. Giá trị của nó không thay đổi về lượng và được chuyển nguyên vẹn sang sản phẩm

B. Giá trị của nó không thay đổi và được chuyển ngay sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất

C. Giá trị của nó chuyển dần vào sản phẩm qua khấu hao

D. Giá trị của nó lớn lên trong quá trình sản xuất

Câu 23 **Tỷ suất giá trị thạng dư (m') phản ánh điều gì**

A. Hiệu quả của nhà tư bản

B. Trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuế

C. Quy mô bóc lột của nhà tư bản đối với người công nhân làm thuế

D. Số lượng giá trị thặng dư

Câu 24 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. hao mòn tư bản cố định có các loại nào.**

A. Hao mòn vô hình

B. Hao mòn hữu hình

C. Hao mòn vật chất

D. Hao mòn tự nhiên

Câu 25 **Cho biết hao mồn thiết bị máy móc là 150.000 USD, chi phí mua nguyên nhiên vật liệu là 450.000 USD, cấu tạo hữu cơ C/V = 3/ 1, tỷ suất giá trị thẳng dư là 200%, giá trị hàng hóa là bao nhiêu?**

A. G = 1.300.000 USD

B. G = 1.200.000 USD

C. G = 1.400.000 USD

D. G= 1.000.000 USD

Câu 26 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất phương án sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối có hạn chế gì?**

A. Không bị ảnh hưởng bởi pháp luật

B. Không bị áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ

C. Bị giới hạn bởi thời gian sinh học của con người

D. Không tạo ra lợi nhuận

Câu 27 **Chọn 2 phương án trả lời đúng điều kiện để nhà tư bản thu được giá trị thặng dư siêu ngạch là**

A. Sản phẩm sản xuất ra có giá trị thấp hơn giá trị xã hội nhưng vẫn bán theo giá thị trường

B. Tổ chức sản xuất theo lối thủ công truyền thống

C. Tăng ngày lao động của công nhân

D. Năng suất lao động cá biệt cao hơn mức trung bình của xã hội

Câu 28 **Chọn 2 phương án trả lời đúng để đạt được giá trị thẳng dư siêu ngạch doanh nghiệp cần.**

A. Sản xuất ra hàng hóa có giá trị thấp hơn mức trung bình xã hội.

B. Áp dụng công nghệ mới sớm hơn đối thủ cạnh tranh.

C. Bán hàng hóa với giá trị cao hơn cả giá trị xã hội.

D. Trả lương công nhân cao hơn mức quy định

Câu 29 **Dựa vào căn cứ để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Hãy chọn một phương án trả lời đúng nhất**

A. Hao mòn hữu hình hoặc vô hình

B. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm

C. Tốc độ chu chuyển của tư bản

D. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Câu 30 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối chủ yếu dựa vào biện pháp nào sau đây?**

A. Rút ngắn thời gian lao động tất yếu

B. Kéo dài thời gian lao động với quá thời gian lao động tất yếu

C. Không thay đổi năng suất lao động nhưng kéo dài ngày lao động

D. Tăng năng suất lao động trong ngành sản xuất tư liệu sinh hoạt

Câu 31 **Trong những lý do khiến phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư siêu ngạch mang tính tạm thời là**

A. Nhà nước can thiệp thị trường

B. Hệ thống máy móc

C. Đối thủ cạnh tranh sẽ nhanh chóng áp dụng công nghệ tương tự

D. Lương công nhân tăng nhanh.

Câu 32 **Khi nào tiền tệ biến thành tư bản**

A. Dùng tiền để buôn bán, mua rẻ bán đắt

B. Có lượng tiền đủ lớn

C. Dùng tiền đầu tư vào sản xuất kinh doanh

D. Sức lao động trở thành hàng hóa

Câu 33 **Chọn 2 phương án trả lời đúng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là**

A. Năng suất lao động, sức lao động không đổi và thời gian lao động tất yếu không đổi

B. Kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu

C. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến

D. Tiết kiệm chi phí sản xuất

Câu 34 **Trong nền kinh tế hiện đại phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư nào được sử dụng phổ biến nhất?**

A. Phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư tương đối

B. Phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư tự nhiên

C. Phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư siêu ngạch

D. Phương pháp sản xuất giá trị thẳng dư tuyệt đối

Câu 35 **Tích lũy tư bản được định nghĩa là gì?**

A. Quá trình tư bản hóa giá trị thẳng dư để mở rộng sản xuất

B. Quá trình tăng giá trị hàng hóa trên thị trường

C. Quá trình chia tư bản giữa các ngành

D. Quá trình giảm chi phí sản xuất

Câu 36 **Chọn 2 phương án trả lời đúng những yếu tố nào sau đây liên quan trực tiếp đến tích lũy tư bản.**

A. Cạnh tranh trong độc quyền

B. Tái sản xuất mở rộng

C. Giá trị thẳng dư

D. Lợi nhuận thương nghiệp

Câu 37 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất. Yếu tố nào sau đây trực tiếp ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản?**

A. Giá cả hàng hóa quốc tế

B. Tỉ lệ phân chia giá trị thẳng dư thành tích lũy và tiêu dùng

C. Giảm tư bản ứng trước

D. Sự suy thoái kinh tế

Câu 38 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất. Hệ quả nào sau đây của tích lũy tư bản làm tăng thất nghiệp?**

A. Tăng năng suất lao động

B. Giảm tỷ suất thẳng dư

C. Tăng lợi nhuận bình quân

D. Tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản

Câu 39 **Chọn 3 phương án trả lời đúng. Những yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản?**

A. Năng suất lao động xã hội

B. Giá cả hàng hóa quốc tế

C. Tỷ suất giá trị thẳng dư

D. Tỷ lệ phân chia giá trị thẳng dư

Câu 40 **Tư bản đầu tư 1.500.000 đô la, trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất là 1.200.000 đô la, số công nhân làm thuê thu hút vào sản xuất là 600 người, tỉ suất giá trị thẳng dư là 200%, hãy chọn phương án trả lời đúng. Nhất với kết quả sản xuất nếu nhà tư bản tích lưới 50% giá trị thẳng dư, (cấu tạo hữu cơ C/v= 4/1)**

A. (1.200.000c + (300.000+60.000) +2 x (300.000 + 60.000)m

B. 1.200.000+ 300.000v + 2 x (300.000+ 60.000)m

C. (1.200.000+ 240.000)c + (300.000 + 60.000)v + 2 x (300.000 + 60.000)m

D. (1.200.000+240.000)c + (300.000+ 60.000)v + (300.000. + 60.000)m

Câu 41 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất. Lợi tức trong nền kinh tế thị trường là**

A. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa trong nền kinh tế thị trường

B. Là một phần lợi nhuận bình quân mà người đi vay trả cho người cho vay

C. Lợi nhuận bình quân giữa các ngành

D. Toàn bộ giá trị thẳng dư từ sản xuất mà nhà sản xuất thu được

Câu 42 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất giá trị thặng dư là nguồn gốc của hình thức nào trong kinh tế thị trường ?**

A. tư bản bất biến

B. giá cả hàng hóa quốc tế

C. chi phí sản xuất

D. lợi nhuận và lợi tức

Câu 43 **Tích lũy tư bản được định nghĩa là gì?**

A. quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư để mở rộng sản xuất

B. quá trình phân chia tư bản giữa các ngành

C. Quá trình tăng giá trị hàng hóa trên thị trường

D. Quá trình tăng giá trị hàng hóa trên thị trường

Câu 44 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất cấu tạo kỹ thuật của tư bản được xác định bởi yếu tố nào ?**

A. giá trị tư liệu sinh hoạt

B. tỷ lệ giữa lợi nhuận và tư bản ứng trước

C. trình độ kỹ thuật của sản xuất

D. tỷ suất giá trị thặng dư

Câu 45 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất lợi tức trong nền kinh tế thị trường là?**

A. là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay trả cho người cho vay

B. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa trong nền kinh tế thị trường

C. Lợi nhuận bình quân giữa các ngành

D. Toàn bộ giá trị thặng dư từ sản xuất mà nhà sản xuất thu được

Câu 46 **chọn một phương án trả lời đúng nhất chi phí sản xuất trong chủ nghĩa tư bản bao gồm những gì?**

A. giá trị thặng dư và lợi nhuận

B. Chi phí đầu tư cho tư liệu sản xuất

C. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

D. Lợi tức và lợi nhuận thương nghiệp

Câu 47 **Chọn 3 phương án trả lời đúng lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế thị trường được hiểu là?**

A. Giá trị hàng hóa từ chi phí sản xuất

B. Là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị thặng dư

C. Là con bé của toàn bộ tư bản ứng trước

D. Là tổng tư bản

Câu 48 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất động lực nào sau đây thúc đẩy tích lũy tư bản ?**

A. Tăng chi phí tiêu dùng cá nhân

B. Giảm năng suất lao động

C. Tăng giá trị thặng dư và cạnh tranh

D. Giảm tư bản ứng trước

Câu 49 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất yếu tố nào sau đây trực tiếp ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản?**

A. giảm tư bản ứng trước

B. sự suy thoái kinh tế

C. Tỷ lệ phân chia giá trị thặng dư thành tích lũy và tiêu dùng

D. giá cả hàng hóa quốc tế

Câu 50 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất cấu tạo kỹ thuật của tư bản được xác định bởi yếu tố nào?**

A. Giá trị tư liệu sinh hoạt

B. tỷ suất giá trị thặng dư

C. Tỷ lệ giữa lợi nhuận và tư bản ứng trước

D. Trình độ kỹ thuật của sản xuất

Câu 51 **Chọn 3 phương án trả lời đúng nhưng yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản?**

A. Giá cả hàng hóa quốc tế

B. Tỷ suất giá trị thặng dư

C. Năng suất lao động xã hội

D. Tỷ lệ phân chia giá trị thặng

Câu 52 **Nguồn gốc của tích lũy tư bản là gì?**

A. Tư bản tài chính

B. Chi phí sản xuất

C. Lợi nhuận bình quân

D. Giá trị thặng dư

Câu 53 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất lợi tức trong nền kinh tế thị trường là?**

A. Toàn bộ giá trị thặng dư từ sản xuất mà nhà sản xuất thu được

B. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa trong nền kinh tế thị trường

C. Lợi nhuận bình quân giữa các ngành

D. Là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay trả cho người cho vay

Câu 54 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế thị trường được tính là?**

A. Chi phí sản xuất cộng lợi nhuận bình quân

B. Giá trị thặng dư trừ lợi tức

C. Giá trị hàng hóa cộng chi phí sản xuất

D. Giá trị hàng hoá trừ chi phí sản xuất

Câu 55 **Chọn 3 phương án trả lời đúng những hình thức nào là biểu hiện của giá trị thặng dư ?**

A. Lợi tức

B. Lợi nhuận thương nghiệp

C. Lợi nhuận

D. Chi phí sản xuất

Câu 56 **Chọn các phương án trả lời đúng. Những yếu tố nào sau đây là nguyên nhân hình thành độc quyền? (Sinh viên chọn 3 phương án đúng nhất)**

A. Tiến bộ khoa học kỹ thuật

B. Phát triển hệ thống tín dụng tư bản

C. Tích tụ và tập trung sản xuất

D. Suy thoái kinh tế toàn cầu

Câu 57 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Xuất khẩu tư bản nhằm mục đích gì trong chủ nghĩa tư bản?**

A. Tăng năng suất lao động trong nước

B. Giảm sự phụ thuộc vào thị trường quốc tế

C. Chiếm đoạt giá trị thặng dư ở nước ngoài

D. Giảm chi phí sản xuất trong nước

Câu 58 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Đặc điểm nào sau đây là cốt lõi của độc quyền?**

A. Tăng cạnh tranh tự do

B. Giảm tích tụ và tập trung tư bản

C. Quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn

D. Giảm xuất khẩu tư bản

Câu 59 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Kinh tế tri thức là thành tựu của chủ nghĩa tư bản ở khía cạnh nào?**

A. Giảm sự phụ thuộc vào khoa học kỹ thuật

B. Phát triển dựa trên khoa học và công nghệ

C. Gây ra khủng hoảng kinh tế

D. Tăng phân hóa giàu nghèo

Câu 60 **Chọn 3 phương án trả lời đúng. Những vai trò tích cực nào thuộc về chủ nghĩa tư bản?**

A. Gây chiến tranh và xung đột

B. Giải phóng loài người khỏi “đêm trường trung cổ” của xã hội phong kiến

C. Tăng năng suất lao động

D. Xã hội hóa sản xuất

Câu 61 **Vì sao chủ nghĩa tư bản có xu hướng chuyển hóa sang hình thái mới?**

A. Do thiếu mâu thuẫn nội tại

B. Do giảm năng suất lao động

C. Do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

D. Do tăng cạnh tranh tự do

Câu 62 **Tư bản tài phiệt có vai trò gì trong nền kinh tế độc quyền?**

A. Tăng cạnh tranh tự do

B. Giảm xuất khẩu tư bản

C. Chi phối kinh tế và chính trị

D. Giảm sự tập trung tư bản

Câu 63 **Vai trò tích cực nào sau đây của chủ nghĩa tư bản ?**

A. Kìm hãm tiến bộ khoa học kĩ thuật

B. Tăng năng suất lao động và sản xuất lớn

C. Làm sâu sắc phân hóa giàu nghèo

D. Gây ra chiến tranh và xung đột

Câu 64 **Xu hướng phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến đâu?**

A. Giảm xã hội hóa sản xuất

B. Duy trì mãi quan hệ sản xuất tư bản

C. Tăng cạnh tranh tự do

D. Chuyển hóa sang hình thái kinh tế - xã hội cao hơn

Câu 65 **Chiến tranh trong chủ nghĩa tư bản thường xuất phát từ đâu?**

A. Giảm tích lũy tư bản

B. Tăng năng suất lao động

C. Phát triển kinh tế tri thức

D. Cạnh tranh phân chia thị trường và tài nguyên

Câu 66 **Vì sao chủ nghĩa tư bản có xu hướng chuyển hóa sang hình thái mới?**

A. Do giảm năng suất lao động

B. Do thiếu mâu thuẫn nội tại

C. Do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

D. Do cạnh tranh tự do

Câu 67 **Những hình thức cạnh tranh nào tồn tại trong độc quyền? (3 phương án đúng)**

A. Cạnh tranh nội bộ trong độc quyền

B. Cạnh tranh giữa độc quyền và không độc quyền

C. Cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền

D. Cạnh tranh tự do không bị chi phối

Câu 68 **Đặc điểm nào sau đây là cốt lõi của độc quyền?**

A. Quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn

B. Giảm tích tụ và tập trung tư bản

C. Tăng cạnh tranh tự do

D. Giảm xuất khẩu tư bản

Câu 69 **Những vai tích cực nào thuộc về chủ nghĩa tư bản ? (Chọn 3 đáp án đúng)**

A. Xã hội hóa sản xuất

B. Giải phóng loài người khỏi “ đêm trường trung cổ” của xã hội phong kiến

C. Tăng năng suất lao động

D. Gây chiến tranh và xung đột

Câu 70 **Kinh tế tri thức là thành tựu của chủ nghĩa tư bnar ở khía cạnh nào?**

A. Phát triển dựa trên khoa học và công nghệ

B. Giảm sự phụ thuộc vào khoa học kỹ thuật

C. Tăng phân hóa giàu nghèo

D. Gây ra khủng hoảng kinh tế

Câu 71 **Độc quyền trong nền kinh tế thị trường có khả năng gì?**

A. Sản xuất được nhiều loại sản phẩm ra thị trường

B. Giảm năng suất lao động

C. Cung cấp hàng hóa cho một khánh hàng duy nhất

D. Thu lợi nhuận độc quyền cao

Câu 72 **Những đặc điểm nào sau đây thuộc về kinh tế độc quyền? (3 đáp án đúng)**

A. Chi phối bởi tư bản tài chính

B. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến

C. Quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn

D. Tăng cường cạnh tranh tự do.

Câu 73 **Các biểu hiện cho thấy xu hướng quốc tế hóa của các tổ chức độc quyền hiện nay là: (2 phương án đúng)**

A. Thu hẹp quy mô sản xuất để tránh cạnh tranh thị trường toàn cầu

B. Xuất khẩu tư bản ngày càng gia tăng về quy mô và đa dạng về hình thức

C. Ngừng đầu tư vào các nước chậm phát triển vì lợi nhuận thấp

D. Xuất khẩu tư bản ngày càng gia tăng về quy mô và đa dạng về hình thức

Câu 74 **Độc quyền trong nền kinh tế thị trường có khả năng gì?**

A. Sản xuất được nhiều loại sản phẩm ra thị trường

B. Giảm năng suất lao động

C. Cung cấp hàng hóa cho một khách hàng duy nhất

D. Thu lợi nhuận độc quyền cao

Câu 75 **Những đặc điểm nào sau đây thuộc về kinh tế độc quyền?**

A. Chi phối bởi tư bản tài chính

B. Xuất khẩu tư bản trờ thành phổ biến

C. Quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn

D. Tăng cường cạnh tranh tự do

Câu 76 **Khái niệm "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" ở Việt Nam được hiểu là:**

A. Một nền kinh tế vận hành đầy đủ theo cơ chế thị trường hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

B. Một hình thức kế hoạch hóa tập trung kiểu mới.

C. Một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa có can thiệp của Nhà nước.

D. Một nền kinh tế phi thị trường nhưng có định hướng cộng sản.

Câu 77 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bao gồm**

A. Kiểm soát, điều tiết các mặt hàng chiến lược, thiết yếu.

B. Từ bỏ vai trò quản lý vĩ mô thị trường tự điều tiết.

C. Trở thành đối trọng với khu vực tư nhân.

D. Xây dựng thể chế và hành lang pháp lý cho thị trường hoạt động ổn định.

Câu 78 **Chọn 1 đáp án trả lời đúng nhất. Chủ thể tham gia thể chế kinh tế thị trường gồm:**

A. Doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cơ quan quản lý kinh tế

B. Chỉ gồm cơ quan điều tiết thị trường

C. Cá nhân có vốn lớn

D. Chỉ có các doanh nghiệp nhà nước

Câu 79 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Lợi ích kinh tế là:**

A. Sự chia đều thu nhập giữa các cá nhân

B. Sự phát triển các giá trị tinh thần

C. Sự thỏa mãn nhu cầu vật chất thu được qua hoạt động kinh tế

D. Sự ưu đãi tài chính của Nhà nước

Câu 80 **Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vận hành theo:**

A. Thị trường chủ nghĩa tự do hoàn toàn

B. Kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp

C. Cơ chế kinh tế tự cầu

D. Các quy luật kinh tế thị trường đồng thời đảm bảo định hướng XHCN.

Câu 81 **Chọn 2 yếu tố đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN:**

A. Cá nhân tự do tuyệt đối và kinh tế nhà nước làm trung tâm

B. Vận hành theo quy luật thị trường

C. Bỏ qua vai trò lãnh đạo của Đảng

D. Nhiều thành phần kinh tế

Câu 82 **Chọn 2 phương án đúng. Những yếu tố nào sau đây là điều kiện để KTTT định hướng XHCN ở VN phát triển đúng hướng:**

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

B. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

C. Bỏ qua vai trò của doanh nghiệp nhà nước

D. Thị trường hoàn toàn tự do, không kiểm soát

Câu 83 **Một trong những nội dung hoàn thiện thể chế KTTT là:**

A. Trở lại mô hình kế hoạch hóa tập trung

B. Tăng cường quản lý tập trung bao cấp

C. Đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

D. Xóa bỏ vai trò của kinh tế tư nhân

Câu 84 **Tác động của lợi ích kinh tế đến các lợi ích khác:**

A. Là nguyên nhân chính dẫn đến văn hóa suy tàn

B. Là cơ sở vật chất thúc đẩy lợi ích chính trị, xã hội.

C. Gây tàn trở toàn diện đối với tiến bộ xã hội

D. Không ảnh hưởng lẫn nhau

Câu 85 **Chọn 2 đáp án đúng với nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế:**

A. Kỹ năng giao tiếp của người lao động

B. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất

C. Mức độ tiêu dùng cá nhân

D. Địa vị của chủ thể trong hệ thống sản xuất

Câu 86 **Thể chế kinh tế là gì?**

A. Hệ thống các quy tắc, luật pháp và cơ chế vận hành điều chỉnh hành vi các chủ thể kinh tế.

B. Hệ thống công cụ điều tiết thu nhập xã hội.

C. Kế hoạch điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

D. Bộ luật dân sự và hình sự trong kinh tế.

Câu 87 **Một trong những nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là:**

A. Trở lại mô hình kế hoạch hóa tập trung

B. Đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

C. Xóa bỏ vai trò của kinh tế tư nhân

D. Tăng cường quản lý tập trung bao cấp

Câu 88 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Những nội dung nào thuộc hoàn thiện thể chế về sở hữu:**

A. Hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên

B. Xóa bỏ sở hữu tư nhân

C. Tăng bảo hộ doanh nghiệp nhà nước

D. Thể chế hóa đầy đủ quyền tài sản

Câu 89 **Vì sao cần điều tiết quan hệ lợi ích kinh tế?**

A. Vì tồn tại sự mâu thuẫn và xung đột trong lợi ích

B. Vì thị trường không có vai trò điều phối

C. Vì nhà nước cần can thiệp vào mọi giao dịch

D. Vì mọi chủ thể đều bình đẳng như nhau

Câu 90 **Mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích có thể dẫn đến:**

A. Tăng trưởng nhanh chóng

B. Sự biến mất của tư hữu

C. Xung đột xã hội và bất ổn

D. Hài hòa lợi ích tự nhiên

Câu 91 **Tính tất yếu của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện ở:**

A. Quy luật vận động của nền kinh tế hàng hóa đạt tới giai đoạn kinh tế thị trường

B. Mục tiêu là lợi nhuận của doanh nghiệp

C. Nhu cầu hợp tác khu vực

D. Yêu cầu của xu thế tự do hóa toàn cầu

Câu 92 **Một trong những nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là:**

A. Trở lại mô hình kế hoạch hóa tập trung

B. Tăng cường quản lý tập trung bao cấp

C. Xóa bỏ vai trò của kinh tế tư nhân

D. Đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Câu 93 **"Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi từ nền sản xuất xã hội dựa trên lao động thủ công là chính sang sản xuất dựa chủ yếu trên _____."**

A. máy móc

B. công nghệ số

C. dịch vụ công

D. tài chính – ngân hàng

Câu 94 **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch toàn diện các lĩnh vực kinh tế – xã hội dựa trên sự phát triển của yếu tố nào?**

A. chủ nghĩa xã hội

B. khoa học – công nghệ

C. năng suất lao động

D. cơ sở vật chất – kỹ thuật

Câu 95 **Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nâng cao yếu tố nào?**

A. chủ nghĩa xã hội

B. khoa học – công nghệ

C. năng suất lao động

D. cơ sở vật chất – kỹ thuật

Câu 96 **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình xây dựng yếu tố nào cho nền kinh tế?**

A. chủ nghĩa xã hội

B. khoa học – công nghệ

C. năng suất lao động

D. cơ sở vật chất – kỹ thuật

Câu 97 **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhân tố quyết định sự thắng lợi của yếu tố nào?**

A. chủ nghĩa xã hội

B. khoa học – công nghệ

C. năng suất lao động

D. cơ sở vật chất – kỹ thuật

Câu 98 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Lực lượng được coi là "quốc sách hàng đầu" trong việc thực hiện công nghiệp hóa là:**

A. Thị trường nội địa

B. Nguồn nhân lực

C. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

D. Tài nguyên thiên nhiên

Câu 99 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Vì sao khoa học công nghệ được xem là động lực của công nghiệp hóa?**

A. Vì khoa học công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế

B. Vì đó là mục tiêu của giáo dục

C. Vì đó là xu thế quốc tế

D. Vì khoa học công nghệ giúp giảm phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài

Câu 100 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Trong nền kinh tế tri thức, yếu tố nào trở thành tài nguyên quan trọng nhất?**

A. Tài nguyên khoáng sản

B. Thông tin

C. Địa lý

D. Tài chính

Câu 101 **Chọn 3 phương án trả lời đúng. Những đặc điểm cơ bản của kinh tế tri thức bao gồm:**

A. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi

C. Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố quyết định nhất

D. Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hóa

Câu 102 **Đặc điểm nào sau đây thuộc nền kinh tế tri thức?**

A. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Cơ cấu kinh tế khép kín, bảo thủ

C. Dựa chủ yếu vào lao động cơ bắp

D. Nhân lực được tri thức hóa nhanh chóng

Câu 103 **Đặc điểm nào sau đây thuộc nền kinh tế truyền thống?**

A. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Cơ cấu kinh tế khép kín, bảo thủ

C. Dựa chủ yếu vào lao động cơ bắp

D. Nhân lực được tri thức hóa nhanh chóng

Câu 104 **Đặc điểm nào sau đây thuộc nền kinh tế truyền thống?**

A. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Cơ cấu kinh tế khép kín, bảo thủ

C. Dựa chủ yếu vào lao động cơ bắp

D. Nhân lực được tri thức hóa nhanh chóng

Câu 105 **Đặc điểm nào sau đây thuộc nền kinh tế tri thức?**

A. Tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Cơ cấu kinh tế khép kín, bảo thủ

C. Dựa chủ yếu vào lao động cơ bắp

D. Nhân lực được tri thức hóa nhanh chóng

Câu 106 **Chọn 1 đáp án đúng duy nhất. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình:**

A. Quốc gia rút khỏi các cam kết quốc tế

B. Quốc gia gắn kết kinh tế với thế giới trên cơ sở chia sẻ lợi ích và tuân thủ chuẩn mực quốc tế

C. Quốc gia tự chủ trong mọi chính sách kinh tế

D. Quốc gia mở rộng thị trường trong nước

Câu 107 **Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan đối với các nước đang phát triển như Việt Nam?**

A. Để thay thế thương mại nội địa bằng ngoại thương

B. Để có thể cạnh tranh với các siêu cường kinh tế

C. Để tiếp cận nguồn lực bên ngoài, rút ngắn khoảng cách phát triển

D. Để giảm thiểu vai trò quản lý của Nhà nước

Câu 108 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tích cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 109 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tiêu cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 110 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tiêu cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 111 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tích cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 112 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tiêu cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 113 **Tác động nào sau đây của hội nhập kinh tế quốc tế là tích cực?**

A. Tích cực

B. Tiêu cực

Câu 114 **Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu kinh tế?**

A. Mục tiêu kinh tế

B. Mục tiêu xã hội

Câu 115 **Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu kinh tế?**

A. Mục tiêu kinh tế

B. Mục tiêu xã hội

Câu 116 **Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu xã hội?**

A. Mục tiêu kinh tế

B. Mục tiêu xã hội

Câu 117 **Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu xã hội?**

A. Mục tiêu kinh tế

B. Mục tiêu xã hội

Câu 118 **Công nghiệp hóa đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn, vì vậy cần phải chủ động chính sách: _____**

A. Vốn trong nước

B. Thu hút vốn đầu tư

C. Kiểm soát giá cả

D. Vốn tín dụng thương mại

Câu 119 **Trong các nguồn vốn, nguồn có tính chất quyết định nhất là: _____**

A. Vốn trong nước

B. Thu hút vốn đầu tư

C. Kiểm soát giá cả

D. Vốn tín dụng thương mại

Câu 120 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Những lợi ích chính của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam gồm:**

A. Tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế

B. Mở rộng liên kết vùng trong nước

C. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hợp tác quốc tế

D. Giảm sự cạnh tranh và bảo hộ sản xuất trong nước

Câu 121 **Một doanh nghiệp Việt Nam muốn mở rộng thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Họ cần ưu tiên hành động nào sau đây?**

A. Đẩy mạnh truyền thông nội địa

B. Chỉ bán hàng thông qua trung gian trong nước

C. Giảm chất lượng sản phẩm để hạ giá

D. Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế và cải tiến công nghệ sản xuất

Câu 122 **Vì sao công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xem là tất yếu khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? (Sinh viên chọn 3 phương án đúng nhất)**

A. Là con đường duy nhất để phát triển lực lượng sản xuất

B. Là yếu tố quyết định năng suất lao động xã hội

C. Là điều kiện xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội

D. Là cách để Việt Nam mô phỏng các nước phát triển

Câu 123 **Vì sao khoa học công nghệ được xem là động lực của công nghiệp hóa?**

A. Vì đó là mục tiêu của giáo dục

B. Vì khoa học công nghệ giúp giảm phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài

C. Vì khoa học công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế

D. Vì đó là xu thế quốc tế

Câu 124 **Chọn 3 phương án trả lời đúng. Những yếu tố thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa:**

A. Duy trì lao động thủ công truyền thống

B. Ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến

C. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

D. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Câu 125 **Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan đối với các nước đang phát triển như Việt Nam?**

A. Để có thể cạnh tranh với các siêu cường kinh tế

B. Để giảm thiểu vai trò quản lý của Nhà nước

C. Để thay thế thương mại nội địa bằng ngoại thương

D. Để tiếp cận nguồn lực bên ngoài, rút ngắn khoảng cách phát triển

Câu 126 **Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết với nền kinh tế thế giới, diễn ra trong bối cảnh của _____.**

A. toàn cầu hóa

B. nguồn lực bên ngoài

C. hội nhập

D. thách thức

Câu 127 **Đối với Việt Nam, hội nhập là con đường để tận dụng _____ phục vụ phát triển.**

A. toàn cầu hóa

B. nguồn lực bên ngoài

C. hội nhập

D. thách thức

Câu 128 **Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra nhiều _____ về kinh tế, chính trị, văn hóa.**

A. toàn cầu hóa

B. nguồn lực bên ngoài

C. hội nhập

D. thách thức

Câu 129 **Từ năm 1995, Việt Nam chính thức tham gia vào tiến trình _____ sâu rộng.**

A. toàn cầu hóa

B. nguồn lực bên ngoài

C. hội nhập

D. thách thức

Câu 130 **Theo Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (1994), công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam dựa trên nền tảng nào?**

A. Phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ

B. Kinh tế thị trường tự phát

C. Quản lý hành chính hiện đại

D. Tái cơ cấu dân cư

Câu 131 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Vì sao khoa học công nghệ được xem là động lực của công nghiệp hóa?**

A. Vì đó là xu thế quốc tế

B. Vì đó là mục tiêu của giáo dục

C. Vì khoa học công nghệ giúp giảm phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài

D. Vì khoa học công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế

Câu 132 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất. Trong nền kinh tế tri thức, yếu tố nào trở thành tài nguyên quan trọng**

A. Tài nguyên khoáng sản

B. Địa lý

C. Thông tin

D. Tài chính

Câu 133 **Chọn một phương án trả lời đúng nhất. Một ngành được coi là ngành kinh tế tri thức khi**

A. Có tốc độ tăng trưởng cao hơn bình quân cả nước

B. Có nhiều lao động chất lượng cao

C. Có nhiều sản phẩm ứng dụng điện tử

D. Giá trị tri thức tạo ra chiếm khoảng 70% tổng giá trị sản xuất

Câu 134 **Chọn 2 phương án trả lời đúng. Những đặc điểm chính của mô hình công nghiệp hóa cổ điển ở Tây âu và Mỹ bao gồm:**

A. Ưu tiên công nghiệp nặng

B. Thực hiện nhanh chóng nhờ FDI

C. Tuần tự từ thấp đến cao

D. Dựa vào chuyên môn hóa hiệu suất

Câu 135 **Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, để nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, Việt Nam cần ưu tiên giải pháp nào?**

A. Tăng xuất khẩu tài nguyên thô

B. Giảm đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

C. Tăng cường bảo hộ sản xuất nội địa

D. Phát triển doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Câu 136 **Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết với nền kinh tế thế giới, diễn ra trong bối cảnh của _____.**

A. toàn cầu hóa

B. thách thức

C. nguồn lực bên ngoài

D. hội nhập

Câu 137 **Đối với Việt Nam, hội nhập là con đường để tận dụng _____ phục vụ phát triển.**

A. toàn cầu hóa

B. thách thức

C. nguồn lực bên ngoài

D. hội nhập

Câu 138 **Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra nhiều _____ về kinh tế, chính trị, văn hóa.**

A. toàn cầu hóa

B. thách thức

C. nguồn lực bên ngoài

D. hội nhập

Câu 139 **Từ năm 1995, Việt Nam chính thức tham gia vào tiến trình _____ sâu rộng.**

A. toàn cầu hóa

B. thách thức

C. nguồn lực bên ngoài

D. hội nhập

Câu 140 **Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan đối với các nước đang phát triển như Việt Nam?**

A. Để thay thế thương mại nội địa bằng ngoại thương

B. Để giảm thiểu vai trò quản lý của Nhà nước

C. Để có thể cạnh tranh với các siêu cường kinh tế

D. Để tiếp cận nguồn lực bên ngoài, rút ngắn khoảng cách phát triển

Câu 141 **Hội nhập giúp cải thiện _____ và thu hút FDI.**

A. vị thế

B. tăng trưởng

C. môi trường đầu tư

D. bất bình đẳng

Câu 142 **Quá trình hội nhập có thể làm gia tăng nguy cơ _____ về lợi ích trong xã hội.**

A. vị thế

B. tăng trưởng

C. môi trường đầu tư

D. bất bình đẳng

Câu 143 **Hội nhập quốc tế là động lực thúc đẩy _____ kinh tế.**

A. vị thế

B. tăng trưởng

C. môi trường đầu tư

D. bất bình đẳng

Câu 144 **Hội nhập sâu rộng góp phần nâng cao _____ của Việt Nam trên trường quốc tế.**

A. vị thế

B. tăng trưởng

C. môi trường đầu tư

D. bất bình đẳng

Câu 145 **Chọn 1 đáp án đúng duy nhất. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam cải thiện môi trường đầu tư thông qua:**

A. Tăng cường tiếp nhận công nghệ hiện đại và vốn từ nước ngoài

B. Giảm số lượng đối tác quốc tế

C. Tăng thuế và kiểm soát nhập khẩu

D. Hạn chế hợp tác khoa học

Câu 146 **Những rủi ro mà các nước đang phát triển như Việt Nam có thể đối mặt khi hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm: (chọn 2 đáp án đúng).**

A. Gia tăng cơ hội tiếp cận khoa học – công nghệ

B. Nguy cơ văn hóa truyền thống bị xâm lăng

C. Nguy cơ bị tổn thương trước biến động thị trường toàn cầu

D. Tăng sức mạnh tự chủ tuyệt đối trong kinh tế

Câu 147 **Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ lao động thủ công là chính sang:**

A. Lao động bằng máy móc

B. Lao động trí tuệ cao

C. Lao động có trình độ học vấn cao

D. Lao động theo mô hình khép kín

Câu 148 **Những chính sách phù hợp để Việt Nam thích ứng tốt hơn với hội nhập kinh tế quốc tế: (chọn 2 phương án đúng).**

A. Thắt chặt giao lưu quốc tế

B. Chủ động đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do

C. Hạn chế chuyển giao công nghệ

D. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện đại

Câu 149 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Lực lượng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật công nghiệp hóa là.**

A. Công nhân lành nghề và cán bộ khoa học công nghệ

B. Tổ chức phi chính phủ

C. Nhà đầu tư nước ngoài

D. Doanh nhân trẻ

Câu 150 **Tín dụng tư bản thúc đẩy hình thành độc quyền**

A. Đúng

B. Sai

Câu 151 **Độc quyền làm thủ tiêu cạnh tranh tự do**

A. Đúng

B. Sai

Câu 152 **Độc quyền không kiểm soát thị trường**

A. Đúng

B. Sai

Câu 153 **Cạnh tranh trong độc quyền trở nên gay gắt hơn**

A. Đúng

B. Sai

Câu 154 **Xuất khẩu tư bản gồm những hình thức nào?**

A. Đầu tư trực tiếp

B. Mua cổ phiếu hoặc trái phiếu

C. Cho vay quốc tế

Câu 155 **Về mặt lịch sử, các hình thức tổ chức độc quyền cơ bản bao gồm các hình thức nào?**

A. Syndicate

B. Consortium

C. Cartel

Câu 156 **Kinh tế tri thức là thành tựu của chủ nghĩa tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 157 **Chủ nghĩa tư bản gây bần cùng hóa người lao động**

A. Đúng

B. Sai

Câu 158 **Chiến tranh không liên quan đến cạnh tranh thị trường**

A. Đúng

B. Sai

Câu 159 **Xã hội hóa lao động làm giảm hợp tác sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 160 **Chủ nghĩa tư bản tăng năng suất lao động qua khoa học kỹ thuật**

A. Đúng

B. Sai

Câu 161 **Phân hóa giàu nghèo là vai trò tích cực của tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 162 **Khủng hoảng không phải hạn chế của tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 163 **Xã hội hóa sản xuất là kết quả của tư bản chủ nghĩa**

A. Đúng

B. Sai

Câu 164 **Chiến tranh không liên quan đến cạnh tranh thị trường**

A. Đúng

B. Sai

Câu 165 **Chủ nghĩa tư bản gây bần cùng hóa người lao động**

A. Đúng

B. Sai

Câu 166 **Xã hội hóa lao động làm giảm hợp tác sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 167 **Kinh tế tri thức là thành tựu của chủ nghĩa tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 168 **Thúc đẩy phát triển sản xuất tư bản**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 169 **Kết quả của hợp tác lao động quy mô lớn**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 170 **Làm sâu sắc mâu thuẫn giai cấp**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 171 **Yếu tố nâng cao hiệu quả sản xuất**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 172 **Cơ chế thị trường dựa trên _____ xã hội và sự vận hành của quy luật giá trị.**

A. phân công lao động

B. động lực

C. vai trò lãnh đạo

D. định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 173 **Cơ chế thị trường tạo _____ để doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và chất lượng hàng hóa.**

A. phân công lao động

B. động lực

C. vai trò lãnh đạo

D. định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 174 **_____ của Đảng bảo đảm sự phát triển đúng hướng của nền kinh tế.**

A. phân công lao động

B. động lực

C. vai trò lãnh đạo

D. định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 175 **Mục tiêu phát triển kinh tế ở Việt Nam là phát triển bền vững, bao trùm, gắn liền với _____.**

A. phân công lao động

B. động lực

C. vai trò lãnh đạo

D. định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 176 **Ổn định kinh tế vĩ mô thuộc chức năng của ai?**

A. Chức năng của Nhà nước

B. Chức năng của thị trường

Câu 177 **Hướng dẫn phát triển ngành ưu tiên thuộc chức năng của ai?**

A. Chức năng của Nhà nước

B. Chức năng của thị trường

Câu 178 **Phân bổ nguồn lực theo cung cầu thuộc chức năng của ai?**

A. Chức năng của Nhà nước

B. Chức năng của thị trường

Câu 179 **Định giá hàng hóa trên thị trường thuộc chức năng của ai?**

A. Chức năng của Nhà nước

B. Chức năng của thị trường

Câu 180 **Hoàn thiện thể chế cái đảm bảo đầy đủ và minh bạch _____.**

A. quyền tài sản

B. cạnh tranh

C. đầu tư công

D. hội nhập quốc tế

Câu 181 **Môi trường kinh doanh cần được điều chỉnh để đảm bảo sự _____ lành mạnh.**

A. quyền tài sản

B. cạnh tranh

C. đầu tư công

D. hội nhập quốc tế

Câu 182 **Thể chế hóa và loại bỏ rào cản trong _____ để tăng hiệu quả sử dụng vốn.**

A. quyền tài sản

B. cạnh tranh

C. đầu tư công

D. hội nhập quốc tế

Câu 183 **Điều chỉnh pháp luật phù hợp với các cam kết quốc tế là nội dung của _____.**

A. quyền tài sản

B. cạnh tranh

C. đầu tư công

D. hội nhập quốc tế

Câu 184 **Hoàn thiện thể chế về _____ để bảo vệ và phát triển nền kinh tế đa hình thức _____.**

A. sở hữu

B. pháp luật

C. nguồn lực

D. Đảng

Câu 185 **Cần hoàn thiện _____ để bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng.**

A. sở hữu

B. pháp luật

C. nguồn lực

D. Đảng

Câu 186 **Cần phát huy tối đa _____ xã hội vào quá trình phát triển thể chế.**

A. sở hữu

B. pháp luật

C. nguồn lực

D. Đảng

Câu 187 **Thể chế đồng bộ phải nâng cao vai trò lãnh đạo của _____ và nhân dân.**

A. sở hữu

B. pháp luật

C. nguồn lực

D. Đảng

Câu 188 **Quan hệ lợi ích kinh tế tạo động lực thông qua _____.**

A. thu nhập

B. xung đột

C. lợi ích nhóm

D. thống nhất

Câu 189 **Khi lợi ích mâu thuẫn không điều hòa, có thể dẫn đến _____.**

A. thu nhập

B. xung đột

C. lợi ích nhóm

D. thống nhất

Câu 190 **_____ tích cực là hợp pháp, phù hợp lợi ích chung.**

A. thu nhập

B. xung đột

C. lợi ích nhóm

D. thống nhất

Câu 191 **Quan hệ giữa lợi ích cá nhân và xã hội cần hướng đến sự _____.**

A. thu nhập

B. xung đột

C. lợi ích nhóm

D. thống nhất

Câu 192 **Lợi ích kinh tế là _____ của các hoạt động kinh tế.**

A. động lực trực tiếp

B. sản xuất xã hội

C. điều tiết

D. lịch sử

Câu 193 **Quan hệ lợi ích kinh tế luôn gắn với trình độ phát triển của _____.**

A. động lực trực tiếp

B. sản xuất xã hội

C. điều tiết

D. lịch sử

Câu 194 **Mâu thuẫn lợi ích đòi hỏi vai trò _____ của Nhà nước.**

A. động lực trực tiếp

B. sản xuất xã hội

C. điều tiết

D. lịch sử

Câu 195 **Lợi ích kinh tế mang tính _____ phản ánh bản chất xã hội từng thời kỳ.**

A. động lực trực tiếp

B. sản xuất xã hội

C. điều tiết

D. lịch sử

Câu 196 **Phân loại cơ chế vận hành trong thể chế KTTT**

A. Quản lý nhà nước

B. Phối hợp, giám sát, điều tiết

C. Tự điều chỉnh

D. Cạnh tranh, phân cấp

Câu 197 **Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 1,5 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 198 **Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 199 **Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 1,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 200 **Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 201 **Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì tổng giá trị hàng hóa là 900 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 202 **Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì tổng giá trị hàng hóa là 300 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 203 **Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì tổng giá trị hàng hóa là 600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 204 **Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì tổng giá trị hàng hóá là 600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 205 **Với m' = 300% thì giá trị hàng hóa là 2.000 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 206 **Với m' = 200% thì giá trị hàng hóa là 1.500 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 207 **Với m' = 200% thì giá trị hàng hoá là 1.800 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 208 **Với m' = 100% thì giá trị hàng hóa là 1.600 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 209 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 2/1 thì giá trị hàng hóá là 3.000 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 210 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 5/1 thì giá trị háng hóá là 2.250 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 211 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 3/1 thì giá trị hàng hóá là 2.500 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 212 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 3/1 thì giá trị hàng hóá là 2.600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 213 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 3/1 thì giá trị hàng hoa là 2.500 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 214 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 5/1 thì giá trị hàng hóa là 2.250 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 215 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 3/1 thì giá trị hàng hoa là 2.600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 216 **Với cấu tạo hữu cơ của tư bản c/v = 2/1 thì giá trị hàng hoá là 3.000 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 217 **Tái sản xuất mở rộng không cần giá trị thặng dư**

A. Đúng

B. Sai

Câu 218 **Khoa học kỹ thuật thúc đẩy tích lũy tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 219 **Tái sản xuất giản đơn đầu tư thặng dư vào sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 220 **Tích lũy tư bản củng cố sự thống trị của giai cấp tư sản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 221 **Tỷ lệ giữa tư bản bất biến và khả biến**

A. Cấu tạo hữu cơ

B. Tư bản khả biến

C. Tích lũy tư bản

D. Tỷ lệ m/v × 100%

Câu 222 **Phần tư bản dùng để thuê lao động**

A. Cấu tạo hữu cơ

B. Tư bản khả biến

C. Tích lũy tư bản

D. Tỷ lệ m/v × 100%

Câu 223 **Quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư**

A. Cấu tạo hữu cơ

B. Tư bản khả biến

C. Tích lũy tư bản

D. Tỷ lệ m/v × 100%

Câu 224 **Tỷ suất giá trị thặng dư**

A. Cấu tạo hữu cơ

B. Tư bản khả biến

C. Tích lũy tư bản

D. Tỷ lệ m/v × 100%

Câu 225 **Tăng quy mô tư bản xã hội qua thặng dư**

A. Tích tụ tư bản

B. Tập trung tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Cấu tạo kỹ thuật

Câu 226 **Hợp nhất các tư bản cá biệt thành tư bản lớn hơn**

A. Tích tụ tư bản

B. Tập trung tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Cấu tạo kỹ thuật

Câu 227 **Sự sụt giảm tuyệt đối về mức sống của công nhân**

A. Tích tụ tư bản

B. Tập trung tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Cấu tạo kỹ thuật

Câu 228 **Tỷ lệ giữa tư liệu sản xuất và sức lao động**

A. Tích tụ tư bản

B. Tập trung tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Cấu tạo kỹ thuật

Câu 229 **Tái sản xuất giản đơn đầu tư thặng dư vào sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 230 **Tái sản xuất mở rộng không cần giá trị thặng dư**

A. Đúng

B. Sai

Câu 231 **Khoa học kỹ thuật thúc đẩy tích lũy tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 232 **Tích lũy tư bản củng cố sự thống trị của giai cấp tư sản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 233 **Chọn 1 phương án trả lời đúng nhất. Cạnh tranh trong độc quyền khác cạnh tranh tự do ở điểm nào?**

A. Cạnh tranh trong độc quyền chỉ xảy ra trong nội bộ

B. Cạnh tranh trong độc quyền trở nên gay gắt hơn

C. Cạnh tranh trong độc quyền làm giảm lợi nhuận

D. Cạnh tranh trong độc quyền không tồn tại

Câu 234 **Tín dụng tư bản thúc đẩy hình thành độc quyền**

A. Đúng

B. Sai

Câu 235 **Cạnh tranh trong độc quyền trở nên gay gắt hơn**

A. Đúng

B. Sai

Câu 236 **Độc quyền làm thủ tiêu cạnh tranh tự do**

A. Đúng

B. Sai

Câu 237 **Độc quyền không kiểm soát thị trường**

A. Đúng

B. Sai

Câu 238 **Cartel là hình thức độc quyền cao nhất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 239 **Tư bản tài chính hình thành từ dung hợp công nghiệp và ngân hàng**

A. Đúng

B. Sai

Câu 240 **Xuất khẩu tư bản nhằm chiếm đoạt giá trị thặng dư**

A. Đúng

B. Sai

Câu 241 **Tư bản tài phiệt không chi phối chính trị**

A. Đúng

B. Sai

Câu 242 **Chủ nghĩa tư bản gây bần cùng hóa người lao động**

A. Đúng

B. Sai

Câu 243 **Chiến tranh không liên quan đến cạnh tranh thị trường**

A. Đúng

B. Sai

Câu 244 **Xã hội hóa lao động làm giảm hợp tác sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 245 **Kinh tế tri thức là thành tựu của chủ nghĩa tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 246 **Làm sâu sắc mâu thuẫn giai cấp**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 247 **Yếu tố nâng cao hiệu quả sản xuất**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 248 **Thúc đẩy phát triển sản xuất tư bản**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 249 **Kết quả của hợp tác lao động quy mô lớn**

A. Khoa học kỹ thuật

B. Xã hội hóa sản xuất

C. Phân hóa giàu nghèo

D. Năng suất lao động

Câu 250 **Bần cùng hóa không phải hệ quả của tích lũy cơ bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 251 **Cấu tạo hữu cơ tăng làm giảm thất nghiệp**

A. Đúng

B. Sai

Câu 252 **Tỷ lệ phân chia thặng dư ảnh hưởng đến quy mô tích lũy**

A. Đúng

B. Sai

Câu 253 **Tích tụ tư bản làm tăng quy mô tư bản xã hội**

A. Đúng

B. Sai

Câu 254 **Tích lũy tư bản củng cố sự thống trị của giai cấp tư sản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 255 **Tái sản xuất giản đơn đầu tư thặng dư vào sản xuất**

A. Đúng

B. Sai

Câu 256 **Tái sản xuất mở rộng không cần giá trị thặng dư**

A. Đúng

B. Sai

Câu 257 **Khoa học kỹ thuật thúc đẩy tích lũy tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 258 **Phần lợi nhuận người đi vay trả cho người cho vay**

A. Lợi tức

B. Lợi nhuận doanh nghiệp

C. Giá trị thặng dư

D. Lợi nhuận

Câu 259 **Chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng**

A. Lợi tức

B. Lợi nhuận doanh nghiệp

C. Giá trị thặng dư

D. Lợi nhuận

Câu 260 **Nguồn lực của lợi nhuận và lợi tức**

A. Lợi tức

B. Lợi nhuận doanh nghiệp

C. Giá trị thặng dư

D. Lợi nhuận

Câu 261 **Hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trong sản xuất**

A. Lợi tức

B. Lợi nhuận doanh nghiệp

C. Giá trị thặng dư

D. Lợi nhuận

Câu 262 **Tỷ lệ giữa tư liệu sản xuất và sức lao động**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 263 **Tăng quy mô tư bản xã hội thặng dư**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 264 **Sự sụt giảm tuyệt đối về mức sống của công nhân**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 265 **Hợp nhất các tư bản cá biệt thành tư bản lớn hơn**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 266 **Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa trọng thương**

A. Lĩnh vực lưu thông

B. Lĩnh vực nông nghiệp

C. Nền sản xuất

D. Quan hệ của sản xuất và trao đổi

Câu 267 **Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa trọng nông**

A. Lĩnh vực lưu thông

B. Lĩnh vực nông nghiệp

C. Nền sản xuất

D. Quan hệ của sản xuất và trao đổi

Câu 268 **Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị cổ điển**

A. Lĩnh vực lưu thông

B. Lĩnh vực nông nghiệp

C. Nền sản xuất

D. Quan hệ của sản xuất và trao đổi

Câu 269 **Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị**

A. Lĩnh vực lưu thông

B. Lĩnh vực nông nghiệp

C. Nền sản xuất

D. Quan hệ của sản xuất và trao đổi

Câu 270 **Sản xuất hàng hoà là sản xuất ra……..để trao đổi, mua bán**

A. sản phẩm

B. chuyên môn hoá

C. điều kiện đủ

D. điều kiện cần

Câu 271 **Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động trong xã hội thành các ngành, các lĩnh vực của sản xuất khác nhau tạo nên sự ……..của những người sản xuất khác nhau**

A. sản phẩm

B. chuyên môn hoá

C. điều kiện đủ

D. điều kiện cần

Câu 272 **Sự tách biệt về mặt kinh tế giữa những người sản xuất hàng hoá là…….. để nền sản xuất hàng hoá ra đời và phát triển**

A. sản phẩm

B. chuyên môn hoá

C. điều kiện đủ

D. điều kiện cần

Câu 273 **Phân công lao động xã hội là …….. để nền sản xuất hàng hoá ra đời và phát triển**

A. sản phẩm

B. chuyên môn hoá

C. điều kiện đủ

D. điều kiện cần

Câu 274 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 2,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 275 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 276 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 277 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 278 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 200 sản phẩm có tổng giá trị là 600 usd. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd. Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 9 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 279 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 200 sản phẩm có tổng giá trị là 600 usd. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd. Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 280 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 200 sản phẩm có tổng giá trị là 600 usd. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd. Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 281 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 200 sản phẩm có tổng giá trị là 600 usd. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd. Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3 usd**

A. Đúng

B. Sai

Câu 282 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 300 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì tổng giá trị hàng hoá là 900 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 283 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 300 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì tổng giá trị hàng hoá là 600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 284 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 300 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì tổng giá trị hàng hoá là 600 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 285 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 300 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì tổng giá trị hàng hoá là 300 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 286 **Xe máy thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 287 **Quần áo thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 288 **Sách vở thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 289 **Điện thoại thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 290 **Sách điện tử thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 291 **Khoá học trực tuyến thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 292 **Dịch vụ y tế thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 293 **Internet thuộc loại hàng hóa nào?**

A. Hàng hoá hữu hình

B. Hàng hoá vô hình

Câu 294 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 3,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 295 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 3 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 2,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 296 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu năng suất lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 297 **Trong 8 giờ công nhân sản xuất được 100 sản phẩm có tổng giá trị là 600 USD. Giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD. Nếu cường độ lao động tăng lên 2 lần thì giá trị của một đơn vị sản phẩm là 6,0 USD**

A. Đúng

B. Sai

Câu 298 **Giá trị thặng dư là nguồn gốc của tích lũy tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 299 **Tái sản xuất giản đơn là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản**

A. Đúng

B. Sai

Câu 300 **Tích lũy tư bản là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư**

A. Đúng

B. Sai

Câu 301 **Tái sản xuất mở rộng sử dụng toàn bộ thặng dư cho tiêu dùng**

A. Đúng

B. Sai

Câu 302 **Chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa**

A. Lợi nhuận thương nghiệp

B. Giá trị thặng dư

C. Lợi nhuận

D. Lợi tức

Câu 303 **Nguồn gốc của lợi nhuận và lợi tức**

A. Lợi nhuận thương nghiệp

B. Giá trị thặng dư

C. Lợi nhuận

D. Lợi tức

Câu 304 **Hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư trong sản xuất**

A. Lợi nhuận thương nghiệp

B. Giá trị thặng dư

C. Lợi nhuận

D. Lợi tức

Câu 305 **Phần lợi nhuận người đi vay trả cho người cho vay**

A. Lợi nhuận thương nghiệp

B. Giá trị thặng dư

C. Lợi nhuận

D. Lợi tức

Câu 306 **Tích lũy tư bản là gì?**

A. Tư bản hóa giá trị thặng dư

B. Giá trị thặng dư

C. Quy mô không đổi

Câu 307 **Động lực chính của tích lũy tư bản là gì?**

A. Tư bản hóa giá trị thặng dư

B. Giá trị thặng dư

C. Quy mô không đổi

Câu 308 **Nguồn gốc của tích lũy tư bản là gì?**

A. Tư bản hóa giá trị thặng dư

B. Giá trị thặng dư

C. Quy mô không đổi

Câu 309 **Tái sản xuất giản đơn có đặc điểm gì?**

A. Tư bản hóa giá trị thặng dư

B. Giá trị thặng dư

C. Quy mô không đổi

Câu 310 **Tỷ lệ m/v x 100%**

A. Tỷ suất giá trị thặng dư

B. Cấu tạo hữu cơ

C. Tích lũy tư bản

D. Tư bản khả biến

Câu 311 **Tỷ lệ giữa tư bản bất biến và khả biến**

A. Tỷ suất giá trị thặng dư

B. Cấu tạo hữu cơ

C. Tích lũy tư bản

D. Tư bản khả biến

Câu 312 **Quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư**

A. Tỷ suất giá trị thặng dư

B. Cấu tạo hữu cơ

C. Tích lũy tư bản

D. Tư bản khả biến

Câu 313 **Phần tư bản dùng để thuê lao động**

A. Tỷ suất giá trị thặng dư

B. Cấu tạo hữu cơ

C. Tích lũy tư bản

D. Tư bản khả biến

Câu 314 **Tỷ lệ giữa tư liệu sản xuất và sức lao động**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 315 **Tăng quy mô tư bản xã hội qua thặng dư**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 316 **Sự sụt giảm tuyệt đối về mức sống của công nhân**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Câu 317 **Hợp nhất các tư bản cá biệt thành tư bản lớn hơn**

A. Cấu tạo kỹ thuật

B. Tích tụ tư bản

C. Bần cùng hóa tuyệt đối

D. Tập trung tư bản

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app